***Chuyên đề 1***

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

**VỀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

**1. KHÁI QUÁT VỀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

1.1. Vị trí, vai trò, chức năng, quyền và trách nhiệm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

*1.1.1. Vị trí*

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta xác định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Namlà tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài”[[1]](#footnote-1).

Điều này được luật hóa tại Điều 9, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, tái khẳng định tại Điều 1, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 09/6/2015 và trong Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sự quy định này xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, xuất phát từ thể chế chính trị: nước ta là nước dân chủ, mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Đây còn là vấn đề lịch sử, truyền thống, từ khi có Đảng là có Mặt trận, Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Sau khi giành được chính quyền, Đảng, chính quyền, Mặt trận là những bộ phận hợp thành hệ thống chính trị.

***1.1.2. Vai trò***

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt đánh giá cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được Đảng khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và được luật hóa tại Điều 9, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2015), tái khẳng định trong Điều lệ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Mặt trận Tổ quốc là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.* Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của hệ thống chính trị, có vai trò quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên sự thống nhất cao về chính trị trong nhân dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tạo nên nền tảng chính trị vững chắc để thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không phải tự Mặt trận khẳng định mà do chính nhân dân, chính lịch sử dân tộc từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thừa nhận. Thực tiễn hơn 90 năm qua của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chứng minh vai trò rất to lớn của Mặt trận trong toàn bộ đời sống xã hội. Hội Phản đế đồng minh (1930-1936), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939) là tiền đề để Mặt trận Việt Minh ra đời. Thắng lợi huy hoàng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với sự nghiệp của Mặt trận Việt Minh. Tiếp theo Mặt trận Việt Minh là Mặt trận Liên Việt đã góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Kế tục Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời đã đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cùng với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam đoàn kết nhân dân cả nước làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Từ khi đất nước thống nhất, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

***1.1.3. Chức năng***

Chức năng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được xác định tại Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

*Một là,* đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

*Hai là,* tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

*Ba là,* giám sát, phản biện xã hội.

*Bốn là,* tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***1.1.4. Quyền và trách nhiệm***

Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bao giờ cũng gắn liền với nhau không thể tách rời. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Điều 3 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

*Một là, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.*

Tập hợp, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội là quyền và cũng là trách nhiệm lớn nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam góp phần thực hiện mục tiêu đã được Đảng ta xác định trong mỗi giai đoạn cách mạng. Nội dung này đã được luật hoá tại Chương II Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với nguyên tắc, phương thức tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nhiệm vụ cụ thể của Mặt trận Tổ quốc cũng như của các tổ chức thành viên.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nội dung chủ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đảng khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội là nguồn sức mạnh vô tận, động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết trên cơ sở vì lợi ích chung của dân tộc và bằng cách vận động, thuyết phục, hiệp thương dân chủ - thống nhất hành động của các thành viên. Vì vậy, tổ chức và hoạt động của Mặt trận là sự thống nhất từ đa dạng, không có sự đa dạng khác nhau thì không thành Mặt trận, nhưng không có sự tương đồng và thống nhất về lợi ích chung của Tổ quốc thì cũng không thành Mặt trận.

*Hai là,* *tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực chất là công tác dân vận của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (và cũng là chức năng vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua các tổ chức thành viên và các cuộc vận động chung của các tổ chức chính trị - xã hội). Mặt trận tuyên truyền, thuyết phục, tổ chức vận động, các phong trào cách mạng mang tính toàn dân; phát huy dân chủ, thực hiện dân chủ ở cơ sở, quy ước ở khu dân cư, hoạt động hoà giải.... Để chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Đó cũng là một trong những yếu tố quy định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

*Ba là, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.*

Mặt trận là nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân nên Mặt trận đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Đây vừa là chức năng, vừa là quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp đảm bảo đúng luật, hiệu quả; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy ước của khu dân cư; tiếp công dân, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xã theo quy định của pháp luật. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp huyện trở lên có quyền cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình.

*Bốn là, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước.*

Mặt trận tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước được quy định rõ trong Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 12/12/2013 ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước là trách nhiệm của mọi thành viên hệ thống chính trị và xã hội, trong đó Mặt trận đóng vai trò quan trọng. Căn cứ chức năng của mình, Mặt trận phát huy vài trò của các tổ chức thành viên, của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước từ việc xây dựng, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến việc tham gia bầu cử, dự các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân, phòng, chống tham nhũng, lãng phí,…

Thực hiện chức năng này, không chỉ đảm bảo góp phần làm cho Đảng và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch hơn, vững mạnh hơn, qua đó thực thi quyền làm chủ của nhân dân tốt hơn mà còn làm cho bản thân tổ chức Mặt trận mạnh hơn (bởi vì Đảng vừa là thành viên và cũng là hạt nhân lãnh đạo Mặt trận, còn Nhà nước là thiết chế đảm bảo các điều kiện cho hoạt động của mọi thành viên trong hệ thống chính trị).

*Năm là, thực hiện giám sát và phản biện xã hội.*

Giám sát và phản biện xã hội được quy định Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Quyền giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được khẳng định trong Điều 9 Hiến pháp năm 2013, trong Chương V và Chương VI của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, hoạt động giám sát và phản biện xã hội là nhu cầu tự thân đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, góp phần thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Sự giám sát và phản biện xã hội từ phía nhân dân thông qua Mặt trận giúp Đảng và Nhà nước tránh được sự chủ quan, duy ý chí trong việc xác định đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc là tổ chức rộng lớn nhất, đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân. Thông qua hoạt động giám sát và phản biện xã hội, Mặt trận mới có thể giúp nhân dân kiểm soát một cách có hiệu quả việc sử dụng quyền lực đã ủy quyền cho các cơ quan quyền lực. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội tạo ra sự chế ước từ bên ngoài để Đảng cầm quyền và Nhà nước không thể tùy tiện trong việc hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức thực thi các quyết sách. Giám sát và phản biện xã hội góp phần vào việc giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đối với đảng viên về tư tưởng, đạo đức, lối sống, phong cách, ý thức và kỹ năng thực thi công vụ. Giám sát và phản biện xã hội là Mặt trận đã thực hiện sự ủy quyền của mọi tầng lớp nhân dân, của các tổ chức chính trị - xã hội góp phần để Mặt trận hoàn thành vai trò đại diện bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

*Sáu là, tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.*

Với chức năng của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền và trách nhiệm tập hợp, phản ánh một cách kịp thời, trung thực, khách quan ý kiến, kiên nghị của cử tri và nhân dân về tất cả các vấn đề của đời sống xã hội mà cử tri và nhân dân quan tâm để báo cáo tại các kỳ họp của Quốc hội, các kỳ họp của Hội đồng nhân dân các cấp, phản ánh, kiến nghị với các cơ quan của Đảng, Nhà nước cùng cấp. Đồng thời, Mặt trận tổng hợp kết quả tiếp thu, giải quyết của các cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền về ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân, thông báo cho cử tri và nhân dân được biết.

Bảy là, t*hực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vị trí, vai trò của mình đi đầu trong việc tổ chức các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần hội nhập quốc tế, gắn kết sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng.

***1.1.5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động***

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc sau:

Một là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hai là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Khi phối hợp và thống nhất hành động, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Những nguyên tắc nêu trên thể hiện rõ vị trí, vai trò, chức năng, tính ưu việt, nhất là tính chất liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật, được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó hiệp thương cử ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Các thành viên gia nhập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở tự nguyện, tán thành Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp xem xét công nhận. Trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận, các thành viên đều có quyền trình bày ý kiến của mình, cùng trao đổi bàn bạc, hiệp thương dân chủ để đạt sự nhất trí, không dùng mệnh lệnh, áp đặt. Nếu có những ý kiến khác nhau trên những vấn đề cụ thể thì cùng nhau trao đổi, thuyết phục, giúp nhau giải quyết. Khi phối hợp và thống nhất hành động, các thành viên phải thoả thuận với nhau về chương trình hành động chung và có nghĩa vụ phối hợp, giúp đỡ nhau để thực hiện chương trình hành động đã được thoả thuận, đồng thời các tổ chức thành viên của Mặt trận vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình.

Để thực hiện tốt vị trí, vai trò, chức năng, quyền và trách nhiệm, trong tổ chức và hoạt động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhất thiết phải đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

***1.1.6. Hệ thống tổ chức***

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức theo cấp hành chính.

Ở Trung ương có Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ở địa phương có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn. Ở mỗi cấp có Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mỗi cấp là cơ quan hiệp thương cao nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp đó. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở mỗi cấp là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp đó.

*\* Ở Trung ương:*

*Một là,* *Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử, là cơ quan chấp hành giữa 2 kỳ đại hội, bao gồm: người đứng đầu của tổ chức thành viên cùng cấp (trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử lãnh đạo); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; một số cá nhân tiêu biểu trong các tổ chức, giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, một số chuyên gia, nhà khoa học trên các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số cán bộ chuyên trách ở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

*Hai là,* *Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử trong số ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là đại diện của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữa hai kỳ họp. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm các vị: người đứng đầu hoặc đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị; người đứng đầu hoặc đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội, một số tổ chức xã hội; một số cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp xã hội, trong các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và một số chuyên gia, nhà khoa học các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số vị ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cán bộ chuyên trách ở cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

*Ba là,* *Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương dân chủ cử trong số Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là cơ quan đại diện Đoàn Chủ tịch giữa hai kỳ họp. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch - Tổng thư ký và các Phó Chủ tịch chuyên trách.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

*\* Ở địa phương:*

*Một là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện.*

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện hiệp thương dân chủ cử, là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội, gồm: người đứng đầu tổ chức thành viên cùng cấp (trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử đại diện lãnh đạo); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp; một số cá nhân tiêu biểu trong các tổ chức, các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và một số chuyên gia các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số cán bộ chuyên trách ở cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

*Hai là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.*

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã do Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hiệp thương dân chủ cư, là cơ quan chấp hành giữa hai kỳ đại hội, gồm: người đứng đầu của tổ chức thành viên cùng cấp (trong trường hợp đặc biệt tổ chức thành viên mới cử đại diện lãnh đạo); một số trưởng ban công tác Mặt trận; một số cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (nếu có) và một số chuyên gia các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số cán bộ chuyên trách và không chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá trước.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

*Ba là,* *Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư.*

Ban công tác Mặt trận được thành lập ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố... (gọi tắt là khu dân cư) có nhiệm kỳ hai năm rưỡi, gồm: một số Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã cư trú ở khu dân cư; đại diện chi ủy; người đứng đầu của chi hội Người cao tuổi, chi hội Cựu chiến binh, chi hội Nông dân, chi hội Phụ nữ, chi đoàn Thanh niên, chi hội Chữ thập đỏ...; một số người tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân, dân tộc, tôn giáo...

Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ra quyết định thành lập, có trưởng ban, phó trưởng ban và các thành viên.

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư được quy định tại Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**1.2. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên và nhân dân**

***1.2.1. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Đảng Cộng sản Việt Nam***

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là mối quan hệ có tính nguyên tắc, vừa đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị, vừa đảm bảo để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện đúng và phát huy tốt vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận trong đời sống xã hội.

***1.2.2. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước***

Nhà nước không phải là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhưng Mặt trận và Nhà nước có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng.

Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và quy chế phối hợp công tác do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước có liên quan ở từng cấp ban hành.

Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thông tin kịp thời cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam việc thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động có hiệu quả.

***1.2.3. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên và các tổ chức khác***

Quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp, tổ chức không phải là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là quan hệ tự nguyện, được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***1.2.4. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với nhân dân***

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn kết nhân dân; động viên, hỗ trợ nhân dân thực hiện dân chủ, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nhân dân tham gia tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thông qua các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cá nhân tiêu biểu là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và tham gia các hoạt động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, tổ chức.

Thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành, viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân tham gia ý kiến, phản ánh, kiến nghị với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về những vấn đề nhân dân quan tâm để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.

Nhân dân giám sát hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để bảo đảm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để thực hiện trách nhiệm của mình với nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

**2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng, bởi vì “Đoàn kết là một lực lượng vô địch”. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định và được chính lịch sử kiểm chứng.

Cách mạng là sự nghiệp của toàn dân chứ không phải của một hai người. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trưcmg phải đoàn kết rộng rãi toàn dân thành một khối, đoàn kết trong nước kết họp với đoàn kết quốc tế để chiến thắng mọi thế lực ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: “Nhờ nhân dân ta đoàn kết một lòng... mà chúng ta bẻ gãy xiềng xích nô lệ, tranh được độc lập, tự do. Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không có đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ và nhân dân phải đoàn kết thành một khối”[[2]](#footnote-2). Tại Đại hội thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 10/9/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử trong những năm qua đã tỏ rõ lực lượng đoàn kết của nhân dân ta là vô địch và Mặt trận Dân tộc thống nhất đã nhiều lần thắng lợi. Chúng ta có thể tin chắc rằng: Với sự cố gắng của mọi người và sự ủng hộ của toàn dân, Mặt trận Tổ quốc sẽ làm trọn nhiệm vụ vẻ vang là giúp xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”[[3]](#footnote-3).

Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng đinh trong một chân lý bất hủ mà Người đã đề cập tại Đại hội họp nhất Việt Minh, Liên Việt, được nhắc lại tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II (1961): “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”[[4]](#footnote-4).

Trước khi đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”[[5]](#footnote-5).

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không chỉ đặc biệt quan trọng trong xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc mà còn “rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng... Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam”[[6]](#footnote-6).

**2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, xuất phát từ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận, từ yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Vai trò rất quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đã được Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quả độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Mặt trận Tổ quqS Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước”[[7]](#footnote-7).

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta khẳng định: “Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò nòng cốt trong tập họp, vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tôc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”[[8]](#footnote-8).

Từ thực tiễn lãnh đạo và việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qua 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), một lần nữa Đảng ta nhấn mạnh vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc và khẳng định: “Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tập họp, vận động Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội”[[9]](#footnote-9). Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định là “làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ”[[10]](#footnote-10), góp phần phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân./.

***Chuyên đề 2***

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

**VỀ HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**

**------**

**1. KHÁI QUÁT VỀ HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**

**1.1. Mục đích, vị trí, vai trò của Hội Nông dân Việt Nam**

***1.1.1. Mục đích***

Hội Nông dân Việt Nam là tập hợp đoàn kết nông dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng là lực lượng tin cậy trong khối liên minh vững chắc công, nông, trí thức, bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

***1.1.2. Vị trí***

Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Hội Nông dân Việt Nam là cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

***1.1.3. Vai trò***

Hội Nông dân Việt Nam đại diện, phát huy quyền làm chủ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân. Nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân với Đảng, Nhà nước và Hội cấp trên, trực tiếp tổ chức tuyên truyền vận động hội viên, nông dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ công tác Hội.

**1.2. Chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam**

***1.2.1. Chức năng***

*Một là,* tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt.

*Hai là,* chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

*Ba là,* đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

***1.2.2. Nhiệm vụ***

Với vị trí, vai trò, chức năng của mình, Hội Nông dân Việt Nam thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

*Một là,* tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nông dân hiểu và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết, chỉ thị của Hội. Khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường, lao động sáng tạo của nông dân.

*Hai là,* vận động, tập hợp, làm nòng cốt tổ chức các phong trào nông dân phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nông thôn mới.

*Ba là,* chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, nông dân. Trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn; hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ, đào tạo nghề và chuyển giao khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, bảo vệ môi trường.

*Bốn là,* đoàn kết, tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội, phát triển và nâng cao chất lượng hội viên. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh về mọi mặt; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

*Năm là,* tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tham gia giám sát và phản biện xã hội theo quy chế; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nắm bắt, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân với Đảng và Nhà nước; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nông dân; tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội.

*Sáu là,* mở rộng hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác, khai thác nguồn lực, học tập, trao đổi kinh nghiệm, tiến bộ khoa học kỹ thuật, quảng bá hàng hoá nông sản, văn hoá Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Ngoài những nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, Hội Nông dân Việt Nam còn phối hợp với các cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện một số nhiệm vụ chính trị có liên quan đến công tác vận động nông dân, các phong trào thi đua, các cuộc vận động.

***1.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động***

*\* Nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của cơ quan lãnh đạo Hội các cấp:*

Hội Nông dân Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên.

Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ chỉ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý.

Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Thành viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu ý kiến và được báo cáo với Hội cấp trên trực tiếp. Khi chưa có ý kiến của Hội cấp trên trực tiếp, thành viên đó phải chấp hành nghị quyết của tập thể và không được truyền bá ý kiến cá nhân và làm trái với nghị quyết. Khi thi hành, phải thực hiện nghị quyết của tập thể.

*\* Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội được bầu cử trực tiếp bằng phiếu kín:*

Việc bầu cử thực hiện theo Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

Trong trường hợp bầu không có số dư, khi bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng cần bầu, nếu đại hội hoặc hội nghị quyết định tiếp tục bầu lần thứ hai để bổ sung đủ số lượng còn thiếu, thì lựa chọn và giới thiệu nhân sự trong diện số dư mà ban chấp hành cấp triệu tập đại hội hoặc hội nghị đã chuẩn bị (nếu có); không giới thiệu nhân sự vừa bầu không trúng cử ở lần thứ nhất.

Trường hợp những người bầu không trúng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội các cấp tại Đại hội hoặc hội nghị thì ít nhất phải 6 tháng sau nếu đủ tiêu chuẩn, uy tín thì mới giới thiệu để bầu lại.

**1.3. Hội viên Hội Nông dân Việt Nam**

***1.3.1. Đối tượng, điều kiện là hội viên***

Hội viên Hội Nông dân Việt Nam là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, đang học tập, công tác và lao động trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bao gồm:

Những ngườiđang lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch…

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp… cấp xã trở lên (bao gồm cả cán bộ không chuyên trách cấp xã).

Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động nghỉ hưu sống ở nông thôn hoặc nơi có tổ chức Hội.

Các nhà khoa học, các doanh nhân, giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại; cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân…..

Học sinh đang học các trường trung học phổ thông; học sinh, sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học là con em nông dân hoặc xuất thân từ nông thôn gắn bó với nông nghiệp, nông thôn.

Trí thức trẻ là con em nông dân, xuất thân từ nông thôn hoặc gắn bó với nông nghiệp, nông thôn; sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã; đang công tác, nghiên cứu, hoạt động trong các cơ quan, tổ chức hợp pháp liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

***1.3.2. Nhiệm vụ, quyền lợi của hội viên***

*\* Nhiệm vụ:*

Hội viên Hội Nông dân Việt Nam thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Hội, sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Gương mẫu và tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, gia đình văn hoá; thực hiện nghĩa vụ công dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tuyên truyền, vận động phát triển hội viên; tham gia các hoạt động và phong trào nông dân ở địa phương, xây dựng quỹ hoạt động Hội.

Đối với hội viên là nhà khoa học, doanh nhân, cán bộ công tác ở các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; học sinh, sinh viên, trí thức trẻ còn có nhiệm vụ tích cực đóng góp công sức, tài năng, trí tuệ, ý tưởng vào việc xây dựng các chương trình, dự án, đề án, triển khai các hoạt động khoa học, xây dựng các mô hình và tổ chức các hoạt động của Hội thuộc lĩnh vực mà hội viên đó đang được đào tạo, nghiên cứu và công việc đang đảm nhận.

*\* Quyền lợi:*

Hội viên Hội Nông dân Việt Nam có một số quyền lợi cơ bản sau:

*Một là,* được dân chủ thảo luận và biểu quyết những công việc của Hội; phê bình chất vấn tổ chức và cán bộ Hội; đề đạt với tổ chức Hội và thông qua tổ chức Hội đề xuất với Đảng, Nhà nước về nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của mình.

*Hai là,* được Hội hướng dẫn, giúp đỡ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng.

*Ba là,* được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

Ngoài ra, còn có một số quyền lợi với hội viên đặc thù:

Đối với hội viên là các nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức công tác ở các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; học sinh, sinh viên, trí thức trẻ nếu có chương trình, đề án, dự án, đề xuất, ý tưởng được lãnh đạo Hội Nông dân các cấp phê duyệt và được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả thì được hưởng chế độ thù lao và khen thưởng theo quy định của Hội.

Đối với hội viên là học sinh, sinh viên nếu có công lao đóng góp tích cực, thiết thực, hiệu quả cho hoạt động của Hội thì được Hội Nông dân nơi trực tiếp quản lý hỗ trợ thông tin, kinh phí hoặc đỡ đầu một phần chi phí cho việc học tập tùy từng trường hợp và điều kiện cụ thể của từng địa phương; hàng năm, được mời dự gặp mặt động viên và tặng quà.

Đối với hội viên là sinh viên có đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động của Hội, khi tốt nghiệp loại giỏi hoặc xuất sắc thì được các cấp Hội giới thiệu để dự thi tuyển vào các cơ quan chuyên trách của Hội Nông dân ở các cấp theo quy định khi có nhu cầu.

**1.4. Cơ cấu tổ chức của Hội Nông dân việt Nam**

***1.4.1. Hệ thống tổ chức của Hội***

Hội Nông dân Việt Nam được tổ chức theo bốn cấp hành chính, bao gồm:

- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;

- Hội Nông dân Việt Nam cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

- Hội Nông dân Việt Nam cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh);

- Hội Nông dân Việt Nam cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và tương đương). Hội cơ sở có thể thành lập chi hội, tổ hội và các câu lạc bộ hội viên nông dân theo tính chất đặc thù.

***1.4.2. Bộ máy lãnh đạo và cơ quan tham mưu của Hội***

\* Đại hội Hội Nông dân các cấp:

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Nông dân Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp là đại hội cấp đó.

Số lượng và cơ cấu đại biểu đại hội cấp nào do ban chấp hành cấp trên trực tiếp hướng dẫn và do ban chấp hành cấp đó quyết định. Đại hội chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) tổng số hội viên (nếu là đại hội toàn thể hội viên) hoặc hai phần ba (2/3) tổng số đại biểu được triệu tập trở lên (nếu là đại hội đại biểu).

Đại biểu chính thức của đại hội gồm: Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm của cấp đó, đại biểu do đại hội cấp dưới bầu lên, đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội chỉ định. Số đại biểu chỉ định không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu được triệu tập.

Đại hội các cấp có nhiệm vụ: Thảo luận và thông qua báo cáo của ban chấp hành nhiệm kỳ qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới; đóng góp ý kiến vào các văn kiện đại hội cấp trên; bầu ban chấp hành khoá mới và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ Hội.

Nhiệm kỳ Đại hội các cấp là 5 năm. Trường hợp đặc biệt, đại hội nhiệm kỳ có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn thời gian quy định, nhưng không quá một năm và phải được Hội cấp trên trực tiếp đồng ý bằng văn bản.

\* Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp:

Số lượng và cơ cấu ban chấp hành cấp nào do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp hướng dẫn và do đại hội cấp đó quyết định. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng ủy viên ban chấp hành khuyết thì hội nghị ban chấp hành hoặc hội nghị đại biểu bầu bổ sung. Số ủy viên ban chấp hành được bầu cử bổ sung cấp tỉnh và Trung ương không quá một phần hai (1/2) so với số ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định; cấp huyện và cấp cơ sở được bổ sung đủ số lượng ủy viên ban chấp hành mà đại hội đã quyết định (không giới hạn số lần bầu).

Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, ban chấp hành cấp dưới phải được ban chấp hành cấp trên trực tiếp công nhận. Ban chấp hành bầu ban thường vụ, bầu chủ tịch, các phó chủ tịch trong số ủy viên ban thường vụ. Số lượng và cơ cấu ban thường vụ do ban chấp hành quyết định, tổng số ủy viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ban chấp hành, trường hợp khuyết được bầu bổ sung cho đủ số lượng. Thường trực (không phải là một cấp) gồm chủ tịch, các phó chủ tịch thay mặt ban thường vụ giải quyết công việc giữa hai kỳ hội nghị ban thường vụ theo nghị quyết, chủ trương của ban chấp hành, ban thường vụ.

Ban chấp hành bầu chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp để tham mưu cho ban chấp hành về công tác kiểm tra của Hội.

Trường hợp cần thiết, sau khi thống nhất ý kiến với cấp ủy cùng cấp, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp có quyền chỉ định ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, các chức danh chủ chốt của Hội cấp dưới. Nhiệm kỳ của ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt được chỉ định không nhất thiết đủ 5 năm.

Ban Thường vụ Trung ương Hội thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội chỉ đạo các cấp Hội tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội. Ban Thường vụ Trung ương Hội thành lập Văn phòng, các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp làm tham mưu, giúp việc.

Ban Thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố thành lập Văn phòng và các Ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội và cấp ủy tỉnh, thành phố. Cấp huyện và cơ sở phân công cán bộ phụ trách các mặt công tác của Hội, hoặc thành lập các bộ phận, tổ chức kiêm nhiệm giúp việc khi cần.

Ban Chấp hành từ cấp huyện trở lên họp thường kỳ một năm hai lần, Ban chấp hành cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần. Ban thường vụ cấp tỉnh, huyện và cơ sở họp thường kỳ một tháng một lần, Ban Thường vụ Trung ương Hội họp ít nhất ba tháng một lần. Khi cần thiết ban chấp hành, ban thường vụ các cấp họp bất thường. Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý. Ủy viên ban chấp hành nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác đương nhiên không còn là ủy viên của ban chấp hành.

Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ xin rút khỏi ban chấp hành ở cấp nào do ban chấp hành cấp đó xem xét, đề nghị lên ban thường vụ cấp trên trực tiếp quyết định; đối với ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

\* Ủy ban Kiểm tra của Hội:

Ủy ban kiểm tra của Hội được thành lập từ Trung ương đến cấp cơ sở. Chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành bầu, được ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra mỗi cấp theo nhiệm kỳ của ban chấp hành cùng cấp. Ủy ban kiểm tra có một số ủy viên ban chấp hành, song không quá một phần hai (1/2) số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra mỗi cấp do Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định.

Việc công nhận ủy ban kiểm tra do ban chấp hành cùng cấp đề nghị, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Việc cho rút tên trong danh sách ủy ban kiểm tra do ban chấp hành cùng cấp quyết định và báo cáo lên Hội cấp trên trực tiếp. Việc bổ sung và cho rút tên ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định.

Ở cơ quan Trung ương Hội, Hội Nông dân các tỉnh, thành phố có tổ chức bộ máy thường trực giúp việc ủy ban kiểm tra; ở cấp huyện, cơ sở, phân công cán bộ kiêm nhiệm các chức danh ủy ban kiểm tra của Hội.

**2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN VÀ XÂY DỰNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**

**2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác vận động nông dân và xây dựng Hội Nông dân Việt Nam**

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng đến lực lượng nông dân. Ngay từ rất sớm, khi viết tác *phẩm Đường Kách mệnh* (1927), Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề nông dân Việt Nam muốn thoát khỏi ách áp bức, bóc lột thì phải “tổ chức nhau lại”, tức là phải gia nhập một tổ chức của những người nông dân. Người viết “Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng”[[11]](#footnote-11). Vì vậy, phải tập hợp nông dân vào một tổ chức dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đấu tranh giành độc lập tự do và thực hiện cách mạng ruộng đất. Người đặt tên cho tổ chức đó là “Nông hội” và đề ra nguyên tắc tổ chức, điều kiện vào Hội, nhiệm vụ của Hội. Người chỉ rõ: “Nông dân lao động là lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh chắc chắn của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công ắt phải dựa vào quần chúng nông dân. Muốn dựa vào nông dân ắt phải bồi dưỡng lực lượng của họ. Muốn nông dân có lực lượng dồi dào thì phải làm cho họ có ruộng cày, có com ăn, áo mặc, nhà ở”[[12]](#footnote-12).

Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc), trong các văn kiện do Hồ Chí Minh dự thảo, được Hội nghị họp nhất thông qua đã nêu ra những vấn đề cơ bản đối với giai cấp nông dân và công tác vận động nông dân: “Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến”[[13]](#footnote-13); “Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia”[[14]](#footnote-14). Và để phát huy được lực lượng, vai trò, sức mạnh to lớn của nông dân thì nông vận phải: “Tổ chức nông dân thật chặt chẽ. Đoàn kết nông dân thật khăng khít. Huấn luyện nông dân thật giác ngộ”[[15]](#footnote-15).

Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Người viết: “Trong cuộc kháng chiến của ta, nông dân đóng góp nhiều nhất, phải hy sinh nhiều nhất. Trong quân đội ta, tối đa số là nông dân. Trong công cuộc xây dựng dân chủ mới, muốn phát triển công nghệ và thương nghiệp, ắt phải do nông dân được giải phóng, thi đua sản xuất, cung cấp nguyên liệu và lương thực, đồng thời tiêu thụ dồi dào những thứ công nghệ sản xuất ra”[[16]](#footnote-16). Người tổng kết: “Kinh nghiệm của Đảng ta trong quá trình cách mạng đã chỉ rõ là nơi nào, lúc nào cán bộ ta giải quyết tốt lợi ích thiết thân của nông dân, nắm vững nguyên tắc liên minh công nông thì nơi đó, lúc đó cách mạng đều tiến mạnh”[[17]](#footnote-17); “Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông dân ta thịnh thì nước ta thịnh”[[18]](#footnote-18). Đó là tư tưởng, đường lối, phương châm về công tác vận động nông dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng ấy thể hiện tầm nhìn chiến lược của Người, soi sáng công tác vận động nông dân và xây dựng Hội Nông dân Việt Nam trong điều kiện mới.

**2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác vận động nông dân và xây dựng Hội Nông dân Việt Nam**

Từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của giai cấp nông dân, công tác vận động nông dân và quan tâm xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức Hội Nông dân. Ngay trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng (2/1930) đã xác định “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”[[19]](#footnote-19). Đảng đề ra khẩu hiệu đầu tiên của cách mạng Việt Nam là: Độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

Tại Hội nghị lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930), Đảng đã thông qua nhiều văn bản liên quan đến tổ chức Hội Nông dân, trong đó quan trọng nhất là Nghị quyết về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng; Nghị quyết về thành lập Tổng Nông hội Đông Dương (tên gọi đầu tiên của Hội Nông dân Việt Nam); Điều lệ Tổng Nông Hội Đông Dương. Nghị quyết về thành lập Tổng Nông hội Đông Dương đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam, sự trưởng thành và lớn mạnh của phong trào nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị... về công tác vận động nông dân, như chủ trương “Phá kho thóc Nhật để cứu đói” (năm 1945); giảm tô thuế, cải cách ruộng đất (năm 1953); chuyển đổi cơ chế quản lý trong nông nghiệp theo Nghị quyết số 10- NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị khóa VI về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết nêu trên, Hội Nông dân luôn là nòng cốt trong phong trào nông dân, góp phần củng cố khối liên minh công - nông - trí thức.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và với chủ trưong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991)* Đảng đã xác định: “Xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt để xứng đáng là một lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa”[[20]](#footnote-20). Chỉ thị số 59/CT-TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng “tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng củng cố Hội Nông dân vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để Hội thực sự là lực lượng nòng cốt của phong trào nông dân xây dựng nông thôn mới, là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân, là nhân tố quan trọng của khối liên minh giai cấp công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức - nền tảng chính trị của chế độ ta”. Chỉ thị của Đảng yêu cầu các cấp Hội phải tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động, đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống hội viên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn chỉ rõ: “Nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực, đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới”, “Tiếp tục đổi mới, nâng rao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; tạo cơ chế và điều kiện thuận lợi cho Hội Nông dân Việt Nam trong việc trực tiếp thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của nông dân, hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp”. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 05/8/2008, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 61- KL/TW ngày 3/12/2009 về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới và giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”, trong đó khẳng định: “Hội Nông dân Việt Nam phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

Khẳng định vị trí, vai trò của công tác vận động nông dân, của Hội nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: Xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Tinh thần đó được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục chỉ rõ: “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, tạo điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị mà không đi đến di cư quy mô lớn. Có chính sách hợp lý để chuyển lao động nông thôn sang các ngành phi nông nghiệp. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh”[[21]](#footnote-21).

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Chú trọng xây dựng nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị./.

***Chuyên đề 3***

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

**VỀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

**1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

**1.1. Vị trí, tính chất, vai trò, chức năng, nguyên tắc, tổ chức bộ máy của Công đoàn Việt Nam**

***1.1.1. Vị trí của Công đoàn Việt Nam***

Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

1.1.2. Tính chất của Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về tính chất giai cấp công nhân của Công đoàn Việt Nam: Công đoàn Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hoạt động của Công đoàn Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu chính trị của Đảng đề ra và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam đảm bảo thống nhất hành động của giai cấp công nhân Việt Nam. Xây dựng đội ngũ cán bộ Công đoàn theo đường lối cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức và hoạt động Công đoàn quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ - một trong những nguyên tắc cơ bản tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về tính chất quần chúng của Công đoàn Việt Nam: Công đoàn Việt Nam kết nạp đông đảo công nhân, viên chức và lao động vào tổ chức công đoàn. Mọi công nhân, viên chức và lao động đều có quyền tự nguyện gia nhập và ra khỏi tổ chức công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Công đoàn Việt Nam bao gồm những người được quần chúng người lao động tín nhiệm để đại diện cho họ. Nội dung hoạt động của Công đoàn Việt Nam đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của người lao động. Cán bộ Công đoàn trưởng thành từ phong trào công nhân, từ phong trào quần chúng ở cơ sở.

***1.1.3. Vai trò của Công đoàn Việt Nam***

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn, vai trò của tổ chức Công đoàn Việt Nam không ngừng phát triển, mở rộng. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vai trò của Công đoàn Việt Nam thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

*Trong lĩnh vực chính trị:* Công đoàn có vai trò to lớn trong việc góp phần xây dựng và nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị - xã hội xã hội chủ nghĩa; tăng cường mối liên hệ mật [thiết](http://webviet24h.com/thiet-ke-website-thuong-mai-dien-tu) giữa Đảng và nhân dân, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực thi pháp luật và để Nhà nước thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân; để đảm bảo sự ổn định về chính trị của đất nước.

*Trong lĩnh vực kinh tế:* Công đoàn tham gia xây dựng hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, góp phần củng cố những thành tựu kinh tế đã đạt được trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Công đoàn đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế trong đó kinh tế, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển có lợi cho quốc kế dân sinh; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần chủ động hội nhập với khu vực và thế giới.

*Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá:* Công đoàn phát huy vai trò của mình trong việc giáo dục công nhân, viên chức và lao động nâng cao lập trường giai cấp, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy những giá trị cao đẹp, truyền thống văn hoá dân tộc và tiếp thu những thành tựu tiên tiến của văn minh nhân loại góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

*Trong lĩnh vực xã hội:* Công đoàn có vai trò quyết định trong tham gia xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh cả về số lượng và chất lượng, không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, tính tổ chức kỷ luật, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ lãnh đạo, quản lý, có nhãn quan chính trị, thực sự là lực lượng nòng cốt của khối liên minh công - nông - trí thức, làm nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân, là cơ sở vững chắc đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường sức mạnh của Nhà nước.

***1.1.4. Chức năng của Công đoàn Việt Nam***

Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân trên cơ sở gắn với lợi ích quốc gia, dân tộc; có các chức năng cơ bản sau:

*Một là,* đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội.

*Hai là,* tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động.

*Ba là,* tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***1.1.5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam***

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

*Một là,* Công đoàn Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức.

*Hai là,* cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công đoàn Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Cơ quan lãnh đạo của công đoàn mỗi cấp giữa hai kỳ đại hội là Ban Chấp hành.

*Ba là,* nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.

***1.1.6. Hệ thống tổ chức công đoàn các cấp***

Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất, có các cấp sau đây:

- Cấp Trung ương: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng Liên đoàn).

- Cấp tỉnh, ngành Trung ương gồm: Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công đoàn ngành Trung ương và tương đương.

- Cấp trên trực tiếp cơ sở gồm: liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là liên đoàn lao động cấp huyện); công đoàn ngành địa phương; công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp); công đoàn tổng công ty; công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác.

- Cấp cơ sở gồm: công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở (gọi chung là công đoàn cơ sở).

**1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn các cấp**

***1.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam***

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

*Một là,* quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

*Hai là,* tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về lao động, công đoàn, an toàn, vệ sinh lao động; tham gia các ủy ban, hội đồng, ban chỉ đạo quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động.

*Ba là,* phối hợp với các cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước, doanh nghiệp, trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành giám sát, phản biện xã hội và các hoạt động xã hội trong đoàn viên và người lao động.

*Bốn là,* quyết định phương hướng, biện pháp về công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh cán bộ công đoàn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ chuyên trách công đoàn theo phân cấp quản lý.

*Năm là,* hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của công đoàn các cấp.

*Sáu là,* mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế theo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

*Bảy là,* thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản; hướng dẫn, chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn; thông qua quyết toán, dự toán tài chính công đoàn hằng năm theo quy định của pháp luật Nhà nước.

***1.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố***

Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

*Một là,* tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo của Tổng Liên đoàn và nghị quyết đại hội công đoàn tỉnh, thành phố; triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

*Hai là,* đại diện, chăm lo và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trên địa bàn. Tham gia với cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của người lao động trên địa bàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội. Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

*Ba là,* chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động; hướng dẫn và chỉ đạo giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các doanh nghiệp trên địa bàn.

*Bốn là,* chỉ đạo liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty trực thuộc và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

*Năm là,* phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành trung ương và công đoàn cấp trên khác đóng trên địa bàn các hoạt động theo ngành, nghề; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

*Sáu là,* vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, rèn luyện tác phong và kỹ năng nghề nghiệp; quản lý và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, các cơ sở văn hóa công nhân, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu việc làm và các trung tâm tư vấn - hỗ trợ người lao động của công đoàn theo quy định của Nhà nước và tổ chức Công đoàn.

*Bảy là,* thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý; phối hợp với cấp ủy cấp huyện và tương đương trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ theo phân cấp.

*Tám là,* hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

*Chín là,* thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

*Mười là,* quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.

***1.2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn ngành Trung ương***

Công đoàn ngành Trung ương có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

*Một là,* tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp đến các tổ chức công đoàn, đoàn viên và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

*Hai là,* đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc ngành; đại diện người lao động thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể ngành.

*Ba là,* tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội: nghiên cứu tham gia với bộ, ngành về chiến lược phát triển của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lao động trong ngành; nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến người lao động cùng ngành, nghề; tham gia cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên và người lao động thuộc ngành; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên và người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết những chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành.

*Bốn là,* nghiên cứu, đề xuất với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp thuộc công đoàn ngành; hướng dẫn chỉ đạo đại hội công đoàn cấp dưới; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp.

*Năm là,* hướng dẫn, chỉ đạo công đoàn cấp dưới: triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương; đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể; tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

*Sáu là,* chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn ngành địa phương thực hiện các nội dung về chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cùng ngành; phối hợp chỉ đạo các công đoàn trực thuộc công đoàn ngành đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tổ chức các hoạt động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương; chăm lo lợi ích, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại doanh nghiệp.

*Bảy là,* chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp cùng ngành. Đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

*Tám là,* thực hiện công tác đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn.

*Chín là,* quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.

***1.2.4.*** ***Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở***

Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau:

*Một là,* đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật.

*Hai là,* hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở về nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp, nội dung tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các chủ trương, nghị quyết của công đoàn; tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân và người lao động.

*Ba là,* hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên và người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật.

*Bốn là,* chỉ đạo phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; vận động, hỗ trợ thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; đánh giá, xếp loại tổ chức công đoàn hằng năm.

*Năm là,* tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động; tham gia với chính quyền, chuyên môn đồng cấp các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị, doanh nghiệp; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

*Sáu là,* chủ động hoặc phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.

*Bảy là,* xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các công đoàn cấp trên trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

*Tám là,* quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật Nhà nước.

*Chín là,* thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

*Mười là,* thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác.

***1.2.5.*** ***Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn cơ sở***

Công đoàn cơ sở có những nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

*Một là,* tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn.

*Hai là,* đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật Nhà nước.

*Ba là,* giám sát hoặc tham gia giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật.

*Bốn là,* phối hợp với đơn vị sử dụng lao động xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội.

*Năm là,* tổ chức thực hiện nghị quyết của công đoàn các cấp, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên và cán bộ công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo đúng quy định; thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại nơi làm việc; xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

**2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phong trào công nhân và tổ chức công đoàn**

Những năm tháng hoạt động trong phong trào công nhân và công đoàn quốc tế, Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về công nhân và phong trào công nhân, nghiên cứu hình thức tổ chức công đoàn ở các nước tư bản, thuộc địa và nửa thuộc địa, từ đó rút ra kinh nghiệm, đặt cơ sở lý luận cho tổ chức Công đoàn cách mạng Việt Nam.

Điểm đặc sắc trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh là Người không tách rời giai cấp công nhân với lực lượng đông đảo những người lao động và tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân là Công đoàn; tổ chức và hoạt động công đoàn luôn được gắn với bản chất và vai trò của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng thông qua chính đảng của giai cấp mình là Đảng Cộng sản Việt Nam. Giai cấp công nhân là lực lượng chủ yếu, là gốc của cách mạng Việt Nam. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh tạo thành lực lượng to lớn quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Hồ Chí Minh nêu rõ mục đích và tổ chức, hoạt động của công hội: “Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân có khá hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp đỡ quốc dân, giúp cho thế giới”[[22]](#footnote-22).

Trong quá trình trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam. Người chỉ rõ, phải chú ý phát triển các tổ chức công nhân và nông dân nhằm tăng cường khối liên minh công - nông làm nòng cốt của lực lượng cách mạng. Tư tưởng này đi vào thực tiễn và thể hiện sinh động trong quá tính xây dựng lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền về tay công - nông trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 cũng như trong suốt quá tính cách mạng Việt Nam sau này.

Trong tổ chức và hoạt động, Người căn dặn: Tổ chức Công đoàn phải được phát triển thành hệ thống thống nhất và phải giữ được sự đoàn kết; trong nội bộ tổ chức công đoàn cũng phải thực hành dân chủ thực sự, đi đôi với tôn trọng sự lãnh đạo tập thể. Muốn giáo dục tốt công nhân, trước hết cán bộ công đoàn phải đoàn kết nhất trí. Để hoàn thành trách nhiệm to lớn của mình, tổ chức công đoàn phải được công nhân lựa chọn, bầu ra một cách dân chủ - phải thật sự dân chủ trong việc bầu cử Ban Chấp hành công đoàn, bầu những người đại diện thực sự cho họ. Mỗi khi ra một chỉ thị, nghị quyết đều phải vì lợi ích chung của quần chúng...

Hồ Chí Minh nhấn mạnh, muốn cho phong trào công đoàn mạnh, cần có cán bộ công đoàn tốt. Theo Người, cán bộ công đoàn phải là người hiểu biết sản xuất, đời sống, nguyện vọng của công nhân, viên chức, phải hiểu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hiểu biết về quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật. Cán bộ công đoàn phải giỏi cả về chính trị, thạo về kinh tế, lại phải có trình độ về tư tưởng, văn hoá, kỹ thuật mới lãnh đạo được đội ngũ công nhân ngày càng phát triển.

**3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tổ chức công đoàn**

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng cũng đã xác lập được một hệ thống quan điểm về lãnh đạo tổ chức công đoàn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, một lần nữa Đảng chỉ rõ: “Đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân và yêu cầu hội nhập quốc tế; tập trung làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, tập thể công nhân. Định hướng, quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức công nhân tại doanh nghiệp ngoài tổ chức công đoàn hiện nay”[[23]](#footnote-23).

Quan điểm nêu trên đặt ra những yêu cầu mới đối với tổ chức công đoàn, trước hết là cần đổi mới tổ chức và hoạt động của bản thân công đoàn để thực hiện tốt nhất vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình. Trong bối cảnh các loại hình doanh nghiệp ngày càng phong phú, đa dạng, doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ, đội ngũ công nhân và người lao động ngày càng đông đảo, hoạt động công đoàn tiếp tục mở rộng và chuyển mạnh sang khu vực ngoài nhà nước, đòi hỏi tổ chức công đoàn phải tích cực, chủ động tự đổi mới mới có thể đáp ứng những yêu cầu mới.

Ngày 12-6-2021, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới. Nghị quyết nhấn mạnh một số điểm chỉ đạo:

*Một là,* xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh và xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới là trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội.

*Hai là,* đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn phải đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng, phù hợp với thể chế chính trị đất nước, yêu cầu hội nhập quốc tế.

*Ba là,* xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh là góp phần quan trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

*Bốn là,* đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn phải phù hợp với số lượng, cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân, người lao động và yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát huy vai trò đại diện, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động.

*Năm là,* đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo nguồn lực đủ mạnh để công đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ; bảo đảm tính kế thừa, ổn định, có lộ trình phù hợp, vững chắc, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm thế giới.

Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12-6-2021 của Bộ Chính trị cũng đề ra mục tiêu tổng quát: Xây dựng Công đoàn Việt Nam vững mạnh toàn diện, có năng lực thích ứng và giải quyết các vấn đề đặt ra, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong tình hình mới là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc của Đảng, Nhà nước; làm tốt vai trò cầu nối, giữ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với giai cấp công nhân, người lao động; xứng đáng là tổ chức đại diện lớn nhất, trung tâm tập hợp, đoàn kết giai cấp công nhân và người lao động cả nước; góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh, là lực lượng tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Tinh thần của nghị quyết thể hiện sự phát triển mới về lý luận của Đảng mà xuyên suốt là vấn đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong tình hình mới. Đó là cơ sở để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng đối với tổ chức và hoạt động công đoàn; để cả hệ thống chính trị phải chăm lo xây dựng tổ chức công đoàn và đặc biệt là để chính tổ chức công đoàn khắc phục hạn chế, yếu kém, phát huy tiềm năng, sức mạnh to lớn, hoàn thành xuất sắc chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tốt nhất mục tiêu do Đảng định hướng và do chính tổ chức công đoàn đề ra./.

***Chuyên đề 4***

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

**VỀ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

**1. KHÁI QUÁT VỀ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

**1.1. Vị trí, vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

***1.1.1. Vị trí***

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước nạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

***1.1.2. Vai trò***

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam; là lực lượng xung kích cách mạng; là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên; đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tuổi trẻ; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên và trong các tổ chức thanh niên Việt Nam.

Đoàn là đội dự bị tin cậy của Đảng, Đoàn luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, đi đầu thực hiện chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền. Đoàn tích cực tham gia công tác phát triển đảng viên mới cho Đảng. Đoàn là nơi đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn và bổ sung lực lượng cán bộ cho Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị...

Đoàn là chỗ dựa vững chắc, tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ chính quyền nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động đoàn viên thanh niên xung phong, tình nguyện đi đầu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trực tiếp tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đoàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, thông qua hệ thống tổ chức đoàn các cấp từ Trung ương đến cơ sở để để cử những đại biểu ưu tú nhất đại diện cho quyền lợi và tiếng nói của tuổi trẻ vào Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp. Đoàn vận động, tuyên truyền, giáo dục đoàn viên trở thành những công dân tốt, gương mẫu, có ích cho xã hội; tích cực, tự giác thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Đoàn là lực lượng nòng cốt, giáo dục, định hướng thanh niên theo lý tưởng của Đảng. Đoàn tạo ra môi trường hoạt động lành mạnh cho thanh niên. Định hướng các hoạt động của thanh niên theo khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh niên. Đoàn là nòng cốt chính trị trong các hội của thanh niên: Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...

Đoàn là người phụ trách, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ thiếu niên nhi đồng. Đoàn cử đội ngũ cán bộ đoàn phụ trách công tác Đội; thành lập hệ thống tổ chức hội đồng đội các cấp có nhiệm vụ làm thường trực công tác thiếu nhi ở mỗi cấp; tạo ra các sân chơi cho thiếu nhi, huy động lực lượng xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ vật chất, kinh phí cho Đội hoạt động.

Đoàn là lực lượng phối kết hợp với các tổ chức chính trị - xã hội khác (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh…) góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn cũng xây dựng các cơ chế hoạt động trong quản lý giáo dục, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thanh thiếu niên.

**1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

***1.2.1. Chức năng***

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn luôn đi đầu thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; là đội quân xung kích cách mạng, sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì khi Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đoàn là lực lượng bổ sung đảng viên mới, đội ngũ cán bộ cho Đảng, Nhà nước. Đảng xác định công tác xây dựng Đoàn là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng đi trước một bước.

Đoàn là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, tạo môi trường lành mạnh cho thanh niên rèn luyện, phấn đấu, hình thành lý tưởng, phát huy năng lực, năng khiếu sở trường của mình để trở thành những thanh niên tiên tiến, những công dân tiêu biểu của đất nước. Công tác giáo dục của Đoàn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản nhất của tổ chức Đoàn, được triển khai một cách toàn diện, chu đáo và kiên trì, trong đó tập trung vào giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống văn hóa cho thanh niên.

Đoàn là người đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của thanh thiếu niên; tham mưu xây dựng những cơ chế, chính sách liên quan đến sự phát triển của thanh niên. Đoàn cử đại diện tham gia vào công việc của Đảng, Nhà nước.

Điều lệ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khẳng đinh chức năng phụ trách Đội Thanh niên tiền phong Hồ Chí Minh, vì vậy, Đoàn thanh niên phải nhận thức rõ quan điểm phụ trách đội Thanh niên tiền phong Hồ Chí Minh và chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng là vinh dự, tự hào và trách nhiệm của tổ chức Đoàn và cán bộ, đoàn viên, thấy rõ hơn vai trò chủ động của Đoàn.

Xác định được vai trò quan trọng của lực lượng dự bị tin cậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở các cấp, các ngành, đoàn thể trước hết là tổ chức Đoàn phải làm tốt công tác chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh là trường học giáo dục thiếu nhi Việt Nam trong và ngoài nhà trường, là đội dự bị của Đoàn, nơi đào tạo, rèn luyện đội ngũ đoàn viên tương lai của tổ chức Đoàn; thiếu niên, nhi đồng là những “Thanh niên tương lai” vì vậy xây dựng đội cần được xác định là xây dựng Đoàn trước một bước.

***1.2.2. Nhiệm vụ***

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên, thực hiện tốt vai trò nòng cốt, định hướng chính trị trong việc xây dựng tổ chức hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam...nhằm đưa thanh niên vào trong tổ chức của Hội và Đoàn cùng phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tập hợp lực lượng thanh niên, đưa họ vào trong các tổ chức của Đoàn, Hội là bước khởi đầu quan trọng tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tạo ra mối quan liên hệ chặt chẽ với quần chúng thanh niên.

Là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ giáo dục thanh niên. Công tác giáo dục của Đoàn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản nhất, được thực hiện thường xuyên, kiên trì và toàn diện. Nội dung giáo dục của Đoàn bao gồm: Giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục chính trị tư tưởng; giáo dục truyền thống cách mạng và truyền thống dân tộc; giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên. Đoàn sử dụng đa dạng các phương pháp, cách thức và các hoạt động khác nhau phù hợp với các đối tượng và nội dung để giáo dục thanh niên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ tổ chức các phong trào hành động cách mạng trong thanh niên. Thông qua các phong trào hành động cách mạng, Đoàn phát huy vai trò, sức mạnh của thanh niên trên các lĩnh vực, địa bàn tham gia phát triển kinh tế- xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc tổ chức các phong trào hành động cách mạng, Đoàn còn tạo môi trường trang bị những kiến thức thực tiễn, rèn luyện những phẩm chất, góp phần hình thành nhân cách của thế hệ thanh niên đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ khác nhau.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ củng cố, xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh. Muốn khẳng định vai trò của tổ chức mình, Đoàn phải tự xây dựng tổ chức mình ngày càng phát triển vững mạnh, nội dung này cần tập trung vào xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ. Đoàn plải quan tâm đến công tác phát triển đoàn viên, nâng cao chất lượng đoàn viên, để mỗi đoàn viên thực sự là những thanh niên tiên tiến trong các lĩnh vực. Bên cạnh đó, Đoàn phải tích cực, chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với sự phát triển của đất nước và tình hình thanh niên. Các hoạt động của Đoàn tổ chức phải thực sự hấp dẫn, sinh động, thiết thực, hiệu quả mới thu hút được thanh niên tham gia. Với vai trò là nòng cốt chính trị, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ củng cố xây dựng Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam ngày càng phát triển để tập hợp rộng rãi các tàng lớp thanh niên, vừa phát huy, vừa đồng hành với thanh niên. Phương châm là xây dựng “Đoàn vững, Hội rộng”.

Vinh dự được giao phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh nên nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng. Thực hiện nhiệm vụ này, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm cử cán bộ làm công tác phụ trách Đội, định hướng, hướng dẫn các hoạt động cho các em thiếu nhi; tổ chức các hoạt động giáo dục thiếu nhi để các em học tập, vui chơi, rèn luyện phát triển và hoàn thiện nhân cách và các kỹ năng cần thiết trong cuộc sống. Đoàn huy động các nguồn trong xã hội để khuyến khích, chăm lo, hỗ trợ các hoạt động của thiếu nhi.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và hệ thống chính trị ở nước ta. Tổ chức Đoàn có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên thanh niên tích cực đi đầu thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động, phong trào của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Đoàn tham gia giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo quy định. Đoàn giáo dục, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp, cán bộ Đoàn là nguồn cán bộ trẻ có chất lượng, bổ sung cho Đảng và hệ thống chính trị.

**1.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

Tại Điều 5, Điều lệ Đoàn được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thông qua ngày 15/12/2022, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ:

Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đoàn do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn là đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo của Đoàn ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đoàn viên ở cấp ấy. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành do đại hội Đoàn cùng cấp bầu ra; giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Ban Thường vụ do Ban Chấp hành cùng cấp bầu ra. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do Đại hội cấp đó quyết định theo Hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ không quá một phần ba số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Ở cấp Trung ương, số lượng Bí thư Trung ương Đoàn không quá một phần ba số lượng Ủy viên Ban Thường vụ.

Nghị quyết của Đoàn phải được chấp hành nghiêm chỉnh, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức.

Trước khi quyết định các công việc và biểu quyết nghị quyết của Đoàn, các thành viên đều được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình, ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên Đoàn cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết hiện hành.

Đại hội, hội nghị của các cơ quan lãnh đạo của Đoàn chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên được triệu tập tham dự. Trường hợp thành viên được triệu tập theo cơ chế đại biểu thì phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số đại biểu và thay mặt cho ít nhất hai phần ba (2/3) số tổ chức Đoàn trực thuộc tham dự. Quyết định của đại hội, hội nghị chỉ có giá trị khi được sự đồng ý của trên một phần hai (1/2) số thành viên có mặt.

**1.4. Hệ thống tổ chức của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

Theo quy định tại Điều 6, Điều lệ Đoàn được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thông qua ngày 15/12/2022, hệ thống tổ chức của Đoàn gồm 4 cấp: *Một là*, cấp Trung ương; *hai là,* cấp tỉnh và tương đương; *ba là,* cấp huyện và tương đương; *bốn là,* cấp cơ sở (gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở).

Cấp Trung ương, gồm: Ban Chấp hành Trung ương Đoàn, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn. Ở cấp Trung ương có Cơ quan Trung ương Đoàn, có các Ban chuyên môn giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn. Ngoài ra ở còn có các đơn vị sự nghiệp Giáo dục đào tạo, nghiên cứu, báo chí, sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cơ quan Trung ương Đoàn để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do Ban Bí thư Trung ương Đoàn giao.

Cấp tỉnh và tương đương: hiện nay có 63 tỉnh, thành Đoàn, 04 Đoàn tương đương trực thuộc gồm Đoàn Khối cơ quan Trung ương, Đoàn Khối doanh nghiệp Trung ương, Đoàn Thanh niên Bộ Công An, Ban Thanh niên Quân đội. Cơ quan lãnh đạo ở Đoàn cấp tỉnh là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thường trực Tỉnh đoàn (Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh đoàn và tương đương). Ở mỗi Đoàn cấp tỉnh và tương đương có cơ quan Tỉnh đoàn và tương đương với các Ban chuyên môn giúp việc và một số đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng được Đoàn cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

Cấp huyện và tương đương: có cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thường trực Đoàn cấp huyện và tương đương (Bí thư, Phó Bí thư Huyện đoàn và tương đương). Mỗi Đoàn cấp huyện thường có cơ quan giúp việc với một số cán bộ phụ trách các mặt công tác.

Đoàn cấp cơ sở: gồm Đoàn cơ sở và chi đoàn cơ sở được thành lập ở đơn vị hành chính cấp xã và các cơ quan, doanh nghiệp... Đoàn cơ sở và chi Đoàn cơ sở có Ban Chấp hành, Ban Thường vụ (đối với Đoàn cơ sở), Bí thư, phó Bí thư chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động, phong trào thu hút đoàn viên, thanh niên tham gia.

**2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

**2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiềm năng của thế hệ trẻ vô cùng to lớn nhưng để phát huy được các tiềm năng đó trước hết cần tập hợp họ lại trong một tổ chức cách mạng. Người nói: “Thanh niên ta rất hăng hái. Ta biết họp lòng hăng hái đó lại và dìu dắt đúng thì thanh niên sẽ thành một lực lượng rất mạnh mẽ”[[24]](#footnote-24). Người chỉ rõ, hạt nhân để đoàn kết, tập hợp thanh niên, đồng thời người trực tiếp tổ chức, giáo dục, động viên thanh niên phải là Đoàn Thanh niên Cộng sản.

Về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đoàn Thanh niên là cánh tay và đội hậu bị của Đảng, là người phụ trách dìu dắt các cháu nhi đồng”[[25]](#footnote-25). Người giải thích: Cánh tay và đội hậu bị của Đảng được thể hiện trong thực tiễn: “Đâu cần, thanh niên có; việc gì khó, thanh niên làm”[[26]](#footnote-26). Có nghĩa là Đoàn Thanh niên vừa là tổ chức gần gũi Đảng, lại là lực lượng tích cực, xung phong gương mẫu thực hiện những chủ trương và chính sách cách mạng; là lực lượng kế thừa sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; là nguồn bổ sung thường xuyên đảng viên cho Đảng; là người trực tiếp giúp Đảng giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho thanh niên, vận động thanh niên đi theo lý tưởng của Đảng; đồng thời lôi cuốn, tập hợp đông đảo thanh niên xung phong vào những nơi khó khăn, gian khổ nhất. Đoàn Thanh niên là người chịu trách nhiệm chính việc phụ trách, dìu dắt thiếu niên nhi đồng - lớp măng non của đất nước.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, Đoàn Thanh niên cần thường xuyên quan tâm công tác xây dựng Đoàn vững mạnh cả về số lượng và chất lượng. Người nêu rõ: “Đoàn Thanh niên Lao động phải xung phong trong mọi công việc để xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng. Tổ chức của Đoàn phải rộng hơn Đảng”[[27]](#footnote-27), tổ chức của Đoàn phải được tổ chức chặt chẽ từ Trung ương xuống các cơ sở, phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn có đủ phẩm chất và năng lực, có cả đức và tài, vì theo Người: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”[[28]](#footnote-28) và “Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”[[29]](#footnote-29).

Ngày 2/11/1956, phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý tổ chức Đoàn Thanh niên muốn tập hợp rộng rãi, thu hút đông đảo thanh niên thì: “Về phần mình, thì Đoàn phải nghiên cứu tìm ra nhiều hình thức và phương pháp thích hợp để đoàn kết và tổ chức thanh niên một cách rộng rãi và vững chắc để làm tròn những nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao phó cho thanh niên, cho Đoàn... Muốn củng cố và phát triển, thì Đoàn phải liên hệ rộng rãi và chặt chẽ với các tầng lớp thanh niên. Phải quan tâm đến đời sống, công tác và học tập của thanh niên, phải tránh thành kiến, sống hẹp hòi cô độc. Phải thật thà đoàn kết và hợp tác với anh chị em thanh niên trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam”[[30]](#footnote-30). Cán bộ lãnh đạo “Cần phải đi sâu vào đời sống, hiểu rõ tâm lý của các lớp thanh niên và giúp đỡ họ giải quyết các vấn đề một cách thiết thực”[[31]](#footnote-31).

Hồ Chí Minh đề cao vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản trong việc tổ chức, tập hợp, đoàn kết, giáo dục thanh niên. Người chủ trương đoàn kết, tập hợp lớp trẻ bằng nhiều tổ chức với hình thức đa dạng, nhằm thu hút lôi cuốn đông đảo thanh niên thuộc nhiều giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội tham gia hoạt động chính trị - xã hội; thông qua đó, thanh niên được giác ngộ, được giáo dục, được cống hiến và trưởng thành. Hồ Chí Minh phân định rõ ràng vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn Thanh niên Cộng sản với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Người chỉ rõ Đoàn Thanh niên Cộng sản phải là hạt nhân chính trị của mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên. Đoàn viên phải làm “đầu tàu”, “gương mẫu” cuốn hút hướng dẫn đông đảo thanh niên làm theo. Người yêu cầu tổ chức Đoàn và mỗi đoàn viên của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam “phải thật thà đoàn kết và hợp tác với anh chị em trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam”[[32]](#footnote-32) và mỗi đoàn viên thật sự phụ trách gần gũi và giúp đỡ một bạn ngoài Đoàn cùng tiến bộ thì Đoàn sẽ phát triển vững chắc và nhanh chóng hơn nữa. Trong “Thư gửi các bạn thanh niên” viết ngày 17/8/1947, Người nhắc nhở tổ chức Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam: “Nhiệm vụ của các bạn là phải tìm đủ mọi cách để gây một phong trào thanh niên to lớn và mạnh mẽ”[[33]](#footnote-33), thanh niên có nhiều sáng kiến hay, gây những phong trào có ích và rất sôi nổi là rất tốt.

**2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

Ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã đặc biệt quan tâm đến việc thành lập, lãnh đạo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng trực tiếp xây dựng lực lượng dự bị của Đảng. Án nghị quyết tháng 10 năm 1930 khẳng định: “Đảng Cộng sản phải cần kíp tổ chức ra một đoàn thể của thanh niên, đó là ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN theo đường lối chính trị của Đảng, làm lực lượng dự trữ cho Đảng. Mỗi chi bộ của Đảng phụ trách tổ chức ra chi bộ của Đoàn”[[34]](#footnote-34); “... phải làm cho hết thảy đảng viên hiểu rằng công việc T.n.C.s.Đ là một việc cần kíp - quan trọng như là việc Đảng vậy”[[35]](#footnote-35).

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam, là người kế tục trung thành sự nghiệp, lý tưởng cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam. Tổ chức Đoàn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mục tiêu, lý tưởng của Đoàn chính là phấn đấu, thực hiện thắng lợi mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của Bác Hồ và Nhân dân đã lựa chọn. Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng chính trị cho mọi hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Đảng chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ trẻ có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Đảng. Đoàn tham mưu, đề xuất với Đảng Cộng sản Việt Nam về những vấn đề liên quan đến thanh niên và công tác thanh thiếu nhi, tham gia xây dựng, bảo vệ và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đóng góp ý kiến cho đảng viên và sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII nhấn mạnh: “Các cấp ủy từ Trung ương đến cơ sở có chương trình công tác thanh niên trong nhiệm kỳ, lãnh đạo các cơ quan nhà nước xây dựng luật pháp, chính sách, chương trình kế hoạch công tác thanh niên. Các tổ chức đảng chăm lo củng cố Đoàn, xây dựng mặt trận thanh niên và đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng trong thanh niên. Đảng viên phải là người lãnh đạo, là tấm gương, là người bạn của giới trẻ”[[36]](#footnote-36). Như vậy, xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được coi là trách nhiệm của mọi đảng viên, các cấp ủy đảng.

Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X cũng khẳng định quan điểm: “Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chủ trương định hướng cho thanh niên hành động, xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo”[[37]](#footnote-37).

Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là mối quan hệ hữu cơ, biện chứng. Đảng có vững mạnh, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng thì Đoàn mới có điều kiện phát triển thuận lợi và ngược lại, tổ chức Đoàn vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức sẽ đem lại sức sống, bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn là bộ phận hữu cơ, tất yếu và đi trước một bước trong công tác xây dựng Đảng. “Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước”[[38]](#footnote-38) là quá trình xây dựng và chuẩn bị đội dự bị tin cậy bổ sung lực lượng cho Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, xây dựng Đoàn thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nâng cao sức hấp dẫn các phong trào thanh niên do Đoàn tổ chức, qua đó tạo môi trường giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, khơi dậy và phát huy tính xung kích của tuổi trẻ, xây dựng các điển hình thanh niên tiên tiến, chăm lo lợi ích chính đáng của thanh niên; phát hiện, lựa chọn đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng tạo nguồn kết nạp đảng viên và đào tạo cán bộ trẻ. Bảo đảm vai trò nòng cốt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam vững mạnh; đổi mới phương thức vận động, đa dạng hoá các loại hình tập hợp để thu hút rộng rãi các đối tượng thanh niên. Tăng cường xây dựng lực lượng thanh niên nòng cốt để thành lập tổ chức cơ sở của Đoàn, Hội ở mọi lĩnh vực./.

***Chuyên đề 5***

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

**VỀ HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

Gần một thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân đã cùng toàn dân lập nên những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử - thời đại.

Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và oanh liệt của dân tộc ta trước đây, cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay, lực lượng Cựu chiến binh ngày càng phát triển lớn mạnh; đến nay đã có hàng triệu Cựu chiến binh, thuộc nhiều thế hệ tiếp tục giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, đang cùng nhân dân cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, lãnh đạo. Đây vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm thiêng liêng đối với sự hy sinh cao cả của hàng triệu đồng bào, đồng chí trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và nguyện vọng của các thế hệ Cựu chiến binh, ngày 06 tháng 12 năm 1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI đã ra nghị quyết thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội đã trưởng thành nhanh chóng và phát triển về mọi mặt, xứng đáng là một tổ chức chính trị - xã hội, là chỗ dựa tin cậy của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân, nhất là ở cơ sở.

Trong tình hình mới, Hội tập hợp, đoàn kết, động viên Cựu chiến binh xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**1. Vị trí**

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đại diện ý chí, nguyện vọng của cựu chiến binh, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một bộ phận cấu thành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Quy định này xuất phát từ yêu cầu khách quan, là vấn đề lịch sử - truyền thống của dân tộc. Cựu chiến binh là lực lượng cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhà nước, với Nhân dân, có kinh nghiệm chiến đấu trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng và xây dựng đất nước, được Đảng, Nhà nước, Nhân dân tôn vinh và đánh giá cao sự hy sinh, cống hiến to lớn trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Vai trò

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có vai trò là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Vai trò này xuất phát từ mục đích ra đời của Hội là để tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của Cựu chiến binh, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu, tình đồng chí, đồng đội. Trong hệ thống chính trị của nước ta hiện nay, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, mặc dù được thành lập sau (1989), nhưng đã sớm khẳng định là một tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh và phát huy vai trò của các cựu chiến binh đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phong trào và hoạt động của các cấp Hội được Đảng và Nhà nước đánh giá cao, được nhân dân quý trọng và tin tưởng.

Trong Thông báo số 07/TB ngày 4-11-1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, đã chỉ rõ: “Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một đoàn thể nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có vai trò quan trọng trọng trong sự nghiệp cách mạng, nhất là trong tình hình hiện nay”. Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8-1- 2002 của Bộ Chính trị khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới đã khẳng định: “Hội Cựu chiến binh Việt Nam xứng đáng là một đoàn thể chính trị - xã hội, là chỗ dựa tin cậy của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp, nhất là cơ sở”.

Vai trò của Hội Cựu chiến binh thể hiện cụ thể:

Hội có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có vai trò nòng cốt trong việc tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức cuộc sống của cộng đồng dân cư. Vai trò đó thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội.

Vai trò của Hội Cựu chiến binh Việt Nam còn thể hiện ở việc đóng góp ngày càng hiệu quả cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kể từ ngày thành lập đến nay, hoạt động của các cấp Hội ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực: Hội đã tích cực động viên, chăm lo đời sống của hội viên, cựu chiến binh, cựu quân nhân; thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khắc phục các điểm nóng, thực hiện hòa giải tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân... Các tổ chức trong hệ thống của Hội Cựu chiến binh Việt Nam luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, gương mẫu và đổi mới, tương trợ, giúp đỡ nhau, cùng nhau vượt khó, vươn lên trong cuộc sống. Hội đã tích cực đổi mới nội dung, phương thức, tiến hành tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng, hiệu quả và thiết thực như: nói chuyện truyền thống, kháng chiến; giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh, sinh viên; phối hợp cùng với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung về nguồn, hướng dẫn tham quan các di tích lịch sử cách mạng...

Vai trò của Hội Cựu chiến binh Việt Nam còn thể hiện ở việc luôn coi trọng việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, hội viên và cựu chiến binh. Nhờ vậy, hội viên cựu chiến binh tiếp cận nhanh với những vấn đề thời sự, định hướng được tư tưởng trước những sự kiện lớn trong nước và quốc tế; thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng, tin tưởng vào đường lối đổi mới, vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

Hội tích cực nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của hội viên, cựu chiến binh và nhân dân, chủ động tham gia đóng góp ý kiến cho cấp ủy, chính quyền các cấp về các vấn đề chính trị - xã hội; kịp thời phát hiện, đề xuất giải pháp và tham gia tích cực trong việc giải quyết các vụ việc phức tạp, nổi cộm trên địa bàn; kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, tích cực phản bác các quan điểm sai trái, những biểu hiện quan liêu, tham nhũng, góp phần ổn định tình hình chính trị ở địa phương, đơn vị.

Hội Cựu chiến binh tích cực tham gia các phong trào cách mạng, đi đầu trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

**3. Chức năng**

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có chức năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh. Hội làm tham mưu cho cấp ủy đảng; làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên, Cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng, của Hội; tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền; giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

**4. Nhiệm vụ**

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có các nhiệm vụ sau:

*Một là,* tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân; đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các tệ nạn xã hội; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước theo quy định.

*Hai là,* tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; kiến nghị với các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến hội viên, Cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

*Ba là*, tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên và Cựu chiến binh rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân. Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tập hợp, động viên Cựu quân nhân tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ, ban liên lạc Cựu quân nhân, nhằm tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong thực hiện các phong trào, các cuộc vận động của cấp ủy và chính quyền ở cơ sở.

*Bốn là,* tổ chức chăm lo, giúp đỡ hội viên và Cựu chiến binh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tổ chức hoạt động tình nghĩa để hội viên và Cựu chiến binh tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

*Năm là,* bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên và Cựu chiến binh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho hội viên và Cựu chiến binh.

*Sáu là,* phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan quân sự địa phương cùng cấp giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường cho thế hệ trẻ.

*Bảy là,* tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

*Tám là,* xây dựng tổ chức Hội vững mạnh toàn diện.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ VII đã xác định cụ thể năm nhiệm vụ và hai khâu đột phá của Hội trong nhiệm kỳ 2022-2027 là:

*\* Năm nhiệm vụ*

*Một là,* động viên hội viên cựu chiến binh phát huy bản chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia giám sát, phản biện xã hội theo quy định của Đảng, Nhà nước.

*Hai là,* động viên hội viên cựu chiến binh nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường; giúp nhau làm kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phấn đấu giảm nghèo bền vững, làm giàu hợp pháp; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của đất nước, địa phương.

*Ba là,* nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cựu chiến binh. Động viên cựu quân nhân tham gia sinh hoạt trong các Câu lạc bộ, Ban liên lạc Cựu quân nhân; tích cực tham gia phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở.

*Bốn là,* tích cực tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cơ quan quân sự địa phương giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

*Năm là,* tập trung xây dựng Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở hội.

*\* Hai khâu đột phá*

*Một là,* xây dựng Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng.

 - Phát huy bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”, truyền thống “Trung thành - Đoàn kết - Gương mẫu - Đổi mới”; coi trọng xây dựng bản lĩnh chính trị, kiên định, vững vàng, gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức. lỗi sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, hội viên, nhằm nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, tính giáo dục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Hai là,* xây dựng tổ chức cơ sở hội vững mạnh và đội ngũ cán bộ hội các cấp gương mẫu tiêu biểu.

- Sơ kết thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CCB về xây dựng tổ chức cơ sở hội, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp trong chương trình công tác toàn khóa và hằng năm, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm các cấp hội trong quán triệt, tổ chức thực hiện. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong nghị quyết và đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương, các cấp hội xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội hội cựu chiến binh các cấp bảo đảm hiệu quả, thiết thực, có tính khả thi cao.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ hội các cấp; thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ; phát huy vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì.

**5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động**

Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện và hoạt động theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội.

Theo Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VII (2022-2027), Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc là:

Một là, ban chấp hành Hội các cấp được bầu ra thông qua nguyên tắc tập trung dân chủ, bằng cách bỏ phiếu kín (trường hợp đặc biệt do ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp chỉ định), thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Hai là, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Hội là Ban Chấp hành Trung ương Hội, ở mỗi cấp là ban chấp hành ở tổ chức Hội cùng cấp.

Ba là, ban chấp hành báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo hoạt động của mình đến các tổ chức Hội trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

Bốn là, tổ chức Hội và hội viên phải chấp hành nghị quyết của Hội, theo nguyên tắc thiểu số phục từng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Hội phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Năm là, nghị quyết của các tổ chức Hội chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong tổ chức, cơ quan đó tán thành (trừ kết nạp và khai trừ hội viên). Trước khi biểu quyết mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Hội viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên tổ chức Hội cấp trên, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Hội.

Sáu là, ban chấp hành tổ chức Hội các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy cùng cấp và nghị quyết của tổ chức Hội cấp trên.

Bảy là, ban chấp hành từ tổ chức Hội cấp huyện và tương đương trở lên lập cơ quan thường trực. Thành phần cơ quan thường trực bao gồm chủ tịch và các phó chủ tịch cùng cấp. Cơ quan thường trực có trách nhiệm thay mặt ban thường vụ điều hành công tác thường xuyên của Hội; triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Những tổ chức Hội mới thành lập hoặc chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ đại hội theo quy định; ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên thống nhất với cấp ủy lãnh đạo trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra; chỉ đạo xây dựng, hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức Hội cấp trên.

Số lượng ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội cấp nào do đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Ban chấp hành khoá mới nhận sự bàn giao từ ban chấp hành khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu; được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp.

Việc bổ sung ủy viên ban chấp hành còn thiếu, do ban chấp hành tổ chức Hội đó đề nghị, ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng ủy viên ban chấp hành sau khi bổ sung không được vượt quá số lượng ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định.

Khi cần thiết, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp được chỉ định tăng thêm một số ủy viên của ban chấp hành tổ chức Hội cấp dưới. Trường hợp đặc biệt, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên thống nhất với cấp ủy lãnh đạo trực tiếp ra quyết định chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp dưới trực tiếp.

Ủy viên ban chấp hành Hội từ cấp tỉnh trở xuống xin rút khỏi ban chấp hành ở cấp nào do ban chấp hành cấp đó đề nghị, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Đối với ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Ủy viên ban chấp hành Hội các cấp khi thôi giữ các chức vụ công tác Hội thì thôi tham gia ban chấp hành Hội các cấp.

**6. Hệ thống tổ chức của Hội Cựu chiến binh Việt Nam**

Hệ thống tổ chức Hội có bốn cấp: một là, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; hai là, Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ba là, Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh; bốn là, Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn.

Ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập tổ chức Hội theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Hội Cựu chiến binh ở mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp, sự chỉ đạo của ban chấp hành Hội cấp trên, phối hợp chặt chẽ với cơ quan, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, quân đội, các đoàn thể cấp đó và liên hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Hội được tổ chức dựa theo hệ thống tổ chức của Đảng; tổ chức đảng của đơn vị trực thuộc cấp ủy nào thì tổ chức Hội của đơn vị cũng trực thuộc tổ chức Hội cấp tương ứng.

Đối với cấp Trung ương: Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Cựu chiến binh Việt Nam thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng nhiệm vụ, chương trình công tác nhiệm kỳ tới; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa mới.

Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội; xây dựng và định hướng nội dung hoạt động, chỉ đạo các chương trình, kế hoạch hoạt động các mặt công tác của Hội giữa hai kỳ đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội đại diện cho Hội quan hệ với các cơ quan nhà nước, với các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, với các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.

Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ tịch; Ban Kiểm tra, Trưởng ban Kiểm tra của Hội. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ và ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành.

Khi khuyết Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội tổ chức hội nghị bầu bổ sung cho đủ số lượng do Đại hội đại biểu toàn quốc đã quyết định. Trường hợp cần tăng thêm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, do hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Đối với cấp tỉnh: Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Thảo luận văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Hội, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu ban chấp hành khóa mới, bầu đại biểu dự đại hội cấp trên.

Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố có nhiệm vụ: Thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội và nghị quyết của đại hội cấp mình; tham gia xây dựng và cụ thể hoá các nghị quyết, chương trình, phong trào của Hội; chỉ đạo công tác của Hội ở địa phương giữa hai kỳ đại hội; đại diện cho Hội quan hệ với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở tỉnh, thành phố.

Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bầu ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch; ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra.

Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban thường vụ họp sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành.

*Đối với cấp huyện:* Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Thảo luận văn kiện của ban chấp hành Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu ban chấp hành khóa mới, bầu đại biểu dự đại hội cấp trên.

    Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và nghị quyết của đại hội cấp mình; hướng dẫn các tổ chức cơ sở Hội thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội; chỉ đạo công tác Hội ở địa phương giữa hai kỳ đại hội; phối hợp với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong các hoạt động chính trị ở địa phương.

    Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương bầu ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch; ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra.

Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương họp thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Những địa bàn có khó khăn đặc biệt, họp thường lệ sáu tháng một lần, do Ban Chấp hành Trung ương Hội hướng dẫn. Ban thường vụ họp ba tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành.

*Đối với cấp cơ sở:* ở các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp có từ năm hội viên trở lên được thành lập tổ chức cơ sở Hội Cựu chiến binh. Tổ chức cơ sở Hội là nền tảng của Hội, nơi tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội, của địa phương, cơ quan, đơn vị.

**7. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Hội**

Tổ chức cơ sở Hội có nhiệm vụ:

*Một là,* tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ Nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát, phản biện xã hội; giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

*Hai là,* quản lý, giáo dục*,*bồi dưỡng phẩm chất, năng lực cho hội viên.

*Ba là,* hướng dẫn hoạt động của hội viên, vận động Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội.

*Bốn là,* chủ động phối hợp với các cơ quan, ban*,* ngành, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở.

*Năm là,* chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên; đoàn kết, động viên, giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, phát triển kinh tế gia đình.

*Sáu là,* xây dựng tổ chức cơ sở Hội vững mạnh toàn diện.

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, tổ chức cơ sở Hội ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp còn có nhiệm vụ: *Một là,* tập hợp, đoàn kết, hướng dẫn, động viên hội viên, Cựu chiến binh giữ gìn, phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị. *Hai là,* tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị. *Ba là,* gương mẫu chấp hành các quy tắc, chế độ công tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; chăm lo giúp đỡ nhau về tinh thần và vật chất.

Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên của tổ chức cơ sở Hội thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Thảo luận văn kiện của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu ban chấp hành khóa mới, bầu đại biểu dự Đại hội cấp trên.

Đối với tổ chức cơ sở Hội có 12 hội viên trở lên bầu ban chấp hành, dưới 12 hội viên bầu chủ tịch và một phó chủ tịch.

Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội thực hiện nghị quyết của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và nghị quyết của đại hội cấp mình; chỉ đạo thực hiện công tác của cơ sở Hội giữa hai kỳ đại hội.

Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có 09 ủy viên trở lên bầu ban thường vụ, bầu chủ tịch, phó chủ tịch và ban kiểm tra do phó chủ tịch kiêm trưởng ban kiểm tra; dưới 09 ủy viên bầu chủ tịch, phó chủ tịch kiêm công tác kiểm tra.

Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi có ban thường vụ, họp thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban thường vụ họp thường lệ một tháng một lần, họp bất thường khi cần; điều hành công tác của Hội giữa hai kỳ họp ban chấp hành. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi không có ban thường vụ, họp thường lệ một tháng một lần, họp bất thường khi cần.

Đối với những tổ chức cơ sở Hội có 30 hội viên trở lên hoặc địa bàn hoạt động quá rộng được thành lập các chi hội; chi hội có trên 30 hội viên chia thành các phân hội tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, công tác và thăm hỏi, giúp đỡ nhau.

Chi hội bầu chi hội trưởng, chi hội phó; phân công hội viên phụ trách phân hội. Chi hội, phân hội sinh hoạt thường kỳ từ một đến ba tháng một lần.

***Chuyên đề 6***

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

**VỀ HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Liên đoàn phụ nữ Dân chủ quốc tế và Liên đoàn các tổ chức phụ nữ ASEAN.

Từ những tổ chức tiền thân cho đến ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội đoàn kết, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, phát huy truyền thống yêu nước, anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**1. KHÁI QUÁT VỀ HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**

**1.1. Chức năng của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam**

Điều 1, Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữViệt Nam (sửa đổi, bổ sung) được thông qua tại Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (2022) xác định chức năng của Hội gồm:

*Một là,* đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước.

*Hai là,* đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới.

**1.2. Nhiệm vụ của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam**

Điều 2, Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữViệt Nam (sửa đổi, bổ sung) được thông qua tại Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (2022) xác định nhiệm vụ của Hội gồm:

*Một là,* tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức, lối sống; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*Hai là,* vận động các tầng lớp phụ nữ chủ động, tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, trình độ, xây dựng gia đình hạnh phúc, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ.

*Ba là,* tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ.

*Bốn là,* xây dựng, phát triển tổ chức Hội vững mạnh.

*Năm là,* đoàn kết, hợp tác với phụ nữ các nước, các tổ chức, cá nhân tiến bộ trong khu vực và thế giới vì bình đẳng, phát triển và hòa bình.

**1.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ**

Điều 9, Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữViệt Nam (sửa đổi, bổ sung) được thông qua tại Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (2022) xác định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội gồm:

*Một là,* Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, liên hiệp, thống nhất hành động.

*Hai là,* cơ quan lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp do bầu cử lập ra, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

**1.4. Hệ thống tổ chức và tư cách pháp nhân của các cấp Hội**

***1.4.1. Hệ thống tổ chức***

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam gồm 4 cấp:

- Cấp Trung ương;

- Cấp tỉnh (bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương);

- Cấp huyện (bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương);

- Cấp cơ sở (bao gồm Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường, thị trấn và tương đương).

***1.4.2. Tư cách pháp nhân của các cấp Hội***

Trung ương Hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội Liên hiệp Phụ nữ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường, thị trấn có tư cách pháp nhân độc lập, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

**1.5. Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ**

***1.5.1. Điều kiện trở thành hội viên***

Phụ nữ Việt Nam từ 18 tuổi trở lên; không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nơi làm việc, nơi cư trú; tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện tham gia tổ chức Hội thì được công nhận là hội viên.

***1.5.2. Nhiệm vụ và quyền của hội viên***

*\* Nhiệm vụ của hội viên*

Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ có các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

- Chấp hành Điều lệ Hội, tích cực tham gia sinh hoạt và các hoạt động Hội, đóng Hội phí theo quy định của Điều lệ.

- Học tập nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt, giữ gìn uy tín và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

- Đoàn kết, giúp nhau trong công tác, học tập, lao động, đời sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, phấn đấu thực hiện bình đẳng giới.

\* Quyền của hội viên

Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ có các quyền sau:

- Được dân chủ thảo luận và biểu quyết chủ trương, nhiệm vụ công tác Hội; được góp ý, đề đạt nguyện vọng với tổ chức Hội; được tham gia hoạt động, sinh hoạt Hội tại nơi cư trú và nơi làm việc.

- Được Hội hướng dẫn, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng.

- Được ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Hội theo quy định.

**1.6. Cơ quan lãnh đạo và cơ quan chuyên trách các cấp Hội**

***1.6.1. Cơ quan lãnh đạo các cấp Hội***

- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc.

- Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp Hội là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên của cấp đó.

- Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo mỗi cấp Hội là Ban Chấp hành cùng cấp.

- Giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Đoàn Chủ tịch hoặc Ban Thường vụ cùng cấp.

***1.6.2. Cơ quan chuyên trách các cấp Hội***

Trung ương Hội; Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội Liên hiệp Phụ nữ các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch hoặc Ban Thường vụ cùng cấp.

**1.7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội**

*\* Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Ban hành Nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch nhằm vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc;

- Lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết, Điều lệ Hội;

- Đại diện tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về công tác phụ nữ;

- Đại diện cho Hội Liên hiệp Phụ nữ, các tầng lớp phụ nữ Việt Nam trong hệ thống chính trị, trong quan hệ với các tổ chức khác trong nước và ngoài nước;

- Bầu Đoàn Chủ tịch trong số ủy viên Ban Chấp hành, bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch trong số các ủy viên Đoàn Chủ tịch; bầu Ủy ban Kiểm tra;

- Chuẩn bị Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc nhiệm kỳ tiếp theo và Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc bất thường nếu có; chỉ đạo thực hiện Điều lệ Hội;

- Ban Chấp hành họp mỗi năm hai lần, khi cần có thể họp bất thường.

*\* Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Hội; triệu tập và chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành;

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp, thi hành kỷ luật cán bộ và một số vấn đề thuộc tổ chức Hội theo quy định;

- Đoàn Chủ tịch họp sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

*\* Thường trực Đoàn Chủ tịch (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch) có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Thay mặt Đoàn Chủ tịch điều hành công việc giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch;

- Chuẩn bị các nội dung hội nghị Đoàn Chủ tịch;

- Lãnh đạo, quản lý cơ quan chuyên trách Trung ương Hội và thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp nhân theo quy định của pháp luật; được sử dụng con dấu của Ban Chấp hành trong điều hành hoạt động của cơ quan Trung ương Hội.

**1.8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh, cấp huyện**

*\* Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh, cấp huyện có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Ban hành Nghị quyết, chương trình, kế hoạch nhằm vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ cùng cấp và cấp trên;

- Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ cùng cấp và cấp trên;

- Đại diện cho tổ chức Hội và phụ nữ địa phương tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác phụ nữ;

- Bầu Ban Thường vụ trong số ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp; bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch trong số ủy viên Ban Thường vụ cùng cấp; bầu Ủy ban Kiểm tra;

- Ban Chấp hành họp sáu tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

*\* Ban Thường vụ có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Hội cấp trên và cùng cấp; triệu tập và chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành cùng cấp;

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp, thi hành kỷ luật cán bộ và một số vấn đề thuộc tổ chức Hội cùng cấp theo quy định;

- Ban Thường vụ họp ba tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

*\* Thường trực Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh, cấp huyện (gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch) có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Thay mặt Ban Thường vụ điều hành công việc giữa hai kỳ họp Ban Thường vụ;

- Chuẩn bị các nội dung họp Ban Thường vụ cùng cấp;

- Lãnh đạo, quản lý cơ quan chuyên trách Hội cấp mình và thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp nhân theo quy định của pháp luật; được sử dụng con dấu Ban Chấp hành trong điều hành hoạt động cơ quan chuyên trách cùng cấp.

**1.9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp cơ sở**

*\* Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Nắm tình hình đời sống, tư tưởng, nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ, phản ánh, đề xuất với cấp ủy, chính quyền địa phương, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp trên;

- Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết đại hội, Nghị quyết Ban Chấp hành Hội cùng cấp và Hội cấp trên;

- Đại diện cho tổ chức Hội và phụ nữ địa phương tham gia góp ý xây dựng chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án và giám sát việc thực hiện; phát hiện, có biện pháp giải quyết kịp thời khi quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ bị vi phạm;

- Công nhận hội viên; tuyên truyền, vận động và tổ chức cho hội viên thực hiện đầy đủ các quyền, nhiệm vụ của hội viên theo quy định Điều lệ;

- Bầu Ban Thường vụ trong số ủy viên Ban Chấp hành cùng cấp; bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số ủy viên Ban Thường vụ cùng cấp; bầu Ủy ban Kiểm tra;

- Ban Chấp hành họp ba tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

*\* Ban Thường vụ có nhiệm vụ và quyền hạn:*

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành; triệu tập và chuẩn bị nội dung họp Ban Chấp hành;

- Quản lý, phát triển hội viên; xây dựng, quản lý quỹ hội; thu, chi, trích nộp hội phí và sử dụng các nguồn thu đảm bảo đúng quy định của pháp luật và quy định của tổ chức Hội; thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp nhân theo quy định của pháp luật;

- Ban Thường vụ họp một tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

\* Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường, thị trấn là cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Hội, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**2. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của phụ nữ và Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam**

***2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của phụ nữ***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vị trí, vai trò của phụ nữ và sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Vì thế, Người đặc biệt nhấn mạnh phải chăm lo để phụ nữ được phát triển một cách toàn diện, đồng thời chăm lo xây dựng được tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực sự là nơi đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, trình độ giải phóng phụ nữ là thước đo trình độ phát triển của xã hội. Vì vậy, phải tạo cho phụ nữ bình đẳng cả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Trong *Chánh cương văn tắt của Đảng* do chính Hồ Chí Minh soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (1930), Người chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, theo đó về xã hội thì thực hiện “nam nữ bình quyền”[[39]](#footnote-39).

Là lực lượng to lớn, chiếm quá nửa dân số nên Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận ra từ rất sớm vai trò quan trọng của các tầng lớp phụ nữ: “Nói phụ nữ là nói phân nữa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”[[40]](#footnote-40). Điều đó cũng có nghĩa là nếu không giải phóng phụ nữ thì cũng không hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên phải gắn sự nghiệp giải phóng phụ nữ với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong *Thư gửi phụ nữ nhân kỷ niệm chiến thắng Hai Bà Trưng và Quốc tế phụ nữ* ngày 8/3/1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những đóng góp tó lớn của phụ nữ Việt Nam: “Non sống gấm vóc nước Việt Nam ta do phụ nữ ta, trẻ cũng như già ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”[[41]](#footnote-41).

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định phụ nữ Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ học tập, công tác, lao động, sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu đến chăm sóc, nuôi dạy con cái, chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc. Người khẳng định lĩnh vực nào phụ nữ cũng làm tốt và có biết bao tấm gương tiêu biểu, nhiều chị em đảm nhận trọng trách từ Trung ương đến các địa phương. Ngày 8/3/1965, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng phụ nữ Việt Nam 8 chữ vàng “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”. Tám chữ vàng đó đã nói lên tất cả, từ phẩm chất cao quý đến vai trò của phụ nữ Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, Đảng, Nhà nước cần tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia mọi lĩnh vực công tác. Đó cũng là trách nhiệm của toàn xã hội.

***2.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của phụ nữ và Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam***

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng kể từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò của phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Ngày 27/4/2007, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết nhấn mạnh một số nội dung sau:

 - Làm tốt vai trò nòng cốt tham mưu và thực hiện các giải pháp cần thiết để nâng cao nhận thức cho phụ nữ về bình đẳng giới, khắc phục tư tưởng tự ti, an phận, níu kéo nhau, nêu cao tình thần tự chủ, đoàn kết, vượt khó vươn lên để không ngừng tiến bộ, đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội.

 - Chủ động tham gia vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, dự án phát triển của quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

 - Phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể vận động, hướng dẫn phụ nữ phấn đấu rèn luyện theo các tiêu chí: có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu.

 - Chủ động, tích cực tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ và giới thiệu quần chúng là phụ nữ ưu tú cho Đảng. Khắc phục tư tưởng an phận, tình trạng níu kéo, không ủng hộ nhau ngay trong nội bộ cán bộ nữ.

 - Phát huy vai trò chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tham gia đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

 - Thành lập và phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học về công tác phụ nữ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, cán bộ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngày 20/01/2018, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 21-CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới đã yêu cầu: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các cấp phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ; tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, chuyên nghiệp, đa dạng hoá hình thức tập họp, hướng về cơ sở, gắn với các vấn đề thiết thân của phụ nữ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ hội có đủ phẩm chất, năng lực, sáng tạo, tâm huyết, trách nhiệm, giỏi vận động phụ nữ; tích cực tạo nguồn cán bộ nữ cho hệ thống chính trị.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp, chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ”[[42]](#footnote-42).

Đứng trước bối cảnh quốc tế và trong nước với những yêu cầu mới, sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhận định: “Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em”[[43]](#footnote-43). Đồng thời, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đặt ra yêu cầu đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: “Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân”[[44]](#footnote-44).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.86-87. [↑](#footnote-ref-1)
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.64. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.131. [↑](#footnote-ref-3)
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.119. [↑](#footnote-ref-4)
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.611. [↑](#footnote-ref-5)
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.453. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tr.86. [↑](#footnote-ref-7)
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.166. [↑](#footnote-ref-8)
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.172. [↑](#footnote-ref-9)
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.173. [↑](#footnote-ref-10)
11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.339. [↑](#footnote-ref-11)
12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr42. [↑](#footnote-ref-12)
13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.3, tr.3. [↑](#footnote-ref-13)
14. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.3, tr.3. [↑](#footnote-ref-14)
15. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.248. [↑](#footnote-ref-15)
16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.258. [↑](#footnote-ref-16)
17. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.416. [↑](#footnote-ref-17)
18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.246. [↑](#footnote-ref-18)
19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.51, tr.141. [↑](#footnote-ref-19)
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.51, tr.141. [↑](#footnote-ref-20)
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.166-167. [↑](#footnote-ref-21)
22. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.330. [↑](#footnote-ref-22)
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.166. [↑](#footnote-ref-23)
24. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.331. [↑](#footnote-ref-24)
25. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.77. [↑](#footnote-ref-25)
26. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.299. [↑](#footnote-ref-26)
27. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.47. [↑](#footnote-ref-27)
28. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.309. [↑](#footnote-ref-28)
29. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.313. [↑](#footnote-ref-29)
30. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.439. [↑](#footnote-ref-30)
31. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.91. [↑](#footnote-ref-31)
32. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.439. [↑](#footnote-ref-32)
33. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.216. [↑](#footnote-ref-33)
34. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, t.2, tr.171. [↑](#footnote-ref-34)
35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.1998, t.2, tr.168. [↑](#footnote-ref-35)
36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2007, t.52, tr.541. [↑](#footnote-ref-36)
37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2018, t.67, tr.67. [↑](#footnote-ref-37)
38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2018, t.67, tr.760. [↑](#footnote-ref-38)
39. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.3, tr.1. [↑](#footnote-ref-39)
40. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.300. [↑](#footnote-ref-40)
41. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.7, tr.340. [↑](#footnote-ref-41)
42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.163. [↑](#footnote-ref-42)
43. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.169. [↑](#footnote-ref-43)
44. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, tr.172. [↑](#footnote-ref-44)